

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Về việc: “Mua bảo hiểm vật chất xe và Bảo hiểm trách nhiệm dân sự năm 2022 cho 61 xe ô tô của Cảng HKQT Tân Sơn Nhất”

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP tổ chức mời chào giá rộng rãi về việc “Mua bảo hiểm vật chất xe và Bảo hiểm trách nhiệm dân sự năm 2022 cho 61 xe ô tô của Cảng HKQT Tân Sơn Nhất”.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu và gửi Hồ sơ chào giá theo các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu về hồ sơ chào giá:

✓ Yêu cầu đối với dịch vụ:

- Chào phí Bảo hiểm vật chất xe và Bảo hiểm trách nhiệm dân sự năm 2022 cho 61 xe ô tô của Cảng HKQT TSN. Danh sách xe chi tiết theo phụ lục đính kèm.
- Thời hạn bảo hiểm: 1 năm kể từ ngày 01/01/2022.

✓ Yêu cầu về giao hàng và thanh toán:

- Thời gian, địa điểm giao giấy chứng nhận bảo hiểm cho từng xe và Thông báo thu phí bảo hiểm: Trong vòng 02 ngày sau khi 02 bên ký hợp đồng. Giao tại Văn phòng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Giá chào: đề nghị chào giá dịch vụ trọn gói, đã bao gồm toàn bộ chi phí, thuế GTGT. Đồng tiền chào giá, thanh toán: VNĐ.
- Thanh toán: Đề nghị chào giá chi tiết phương thức thanh toán.

✓ Thành phần hồ sơ chào giá: báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- Đơn chào hàng theo Mẫu 01;
- Bảng chào giá chi tiết;
- Các nội dung cần thiết khác:
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh còn hiệu lực.

✓ Thời hạn hiệu lực của hồ sơ chào giá:

- Hiệu lực hồ sơ chào giá: 30 ngày kể từ ngày 25/12/2021.



- Hồ sơ chào giá phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị và đóng dấu. Số lượng hồ sơ chào giá: 01 bản gốc và 02 bản chụp

2. Thời hạn, địa điểm gửi hồ sơ chào giá:

- Thời hạn gửi hồ sơ chào giá: trước 10 giờ 00 ngày 25/12/2021.
- Phương thức gửi hồ sơ chào giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ nhận hồ sơ chào giá.
- Địa điểm nhận hồ sơ chào giá:
 - o Địa chỉ: Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.114) - Văn phòng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Thông tin liên hệ:

- Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP
- Phòng Kế hoạch – Đầu tư (P.114)
- Tel: 083.8485.383- Ext: 3527
- Người liên hệ: Ms Ngọc Anh.

4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp:

- Có đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động hợp pháp.
- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP.

Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư



GIÁM ĐỐC

Dương Ngọc Cường

BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên hạng mục mua sắm: _____ [Ghi tên hạng mục mua sắm theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện hạng mục mua sắm _____ [Ghi tên hạng mục mua sắm] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hạng mục mua sắm].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong quá trình chào hàng.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong khi tham dự hạng mục này.
5. Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện cung cấp hàng hóa theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm nộp hồ sơ chào giá].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

38E
CÁN
HÔNG
SƠN
NH TẾ
HÀN
[NAN
1-TP

Phụ lục

Quy mô mua sắm

Stt	Danh mục xe	Biển số xe	Số chỗ	Trọng tải	Thời gian đưa vào sử dụng	Giá trị BH năm 2022
1	Xe Toyota Hiace (cứu thương)	51B-185.64	8		23/12/2003	144,000,000
2	Xe Ford Everest	51F-258.99	7		15/12/2009	324,000,000
3	Xe Mercedes - Benz Sprinter	51B-183.86	16		06/04/2007	270,000,000
4	Xe Toyota Hilux (Tải pickup cabin kép)	51D-149.59	5	0.47 tấn	04/07/2017	585,000,000
5	Xe Toyota Hiace (Ô tô cứu thương)	51B-179.72	15		13/04/2015	900,000,000
6	Xe Toyota Hiace (Ô tô cứu hỏa)	51B-507.08	15		06/01/2021	1,098,946,363
7	Xe Vinaxuki 650 (Tải Pickup cabinkép)	51C-631.88	5	0.65tấn	31/08/2010	180,000,000
8	Xe Ford Everest UW 151-7	51F-258.08	7		25/09/2008	297,000,000
9	Xe Toyota Hilux (Tải pickup cabin kép)	51C-632.83	5	0.53 tấn	14/11/2009	315,000,000
10	Xe tải Isuzu (tải có mui)	51D-637.30	3	2.35 tấn	26/02/2020	515,050,274

Stt	Danh mục xe	Biển số xe	Số chỗ	Trọng tải	Thời gian đưa vào sử dụng	Giá trị BH năm 2022
11	Xe Toyota Hilux (Tải pickup cabin kép)	51D-455.25	5	0.487 tấn	12/01/2019	630,000,000
12	Xe Toyota Hilux (Tải pickup cabin kép)	51C-630.67	5	1.91 tấn	22/07/2015	396,000,000
13	Xe Isuzu NLR55ECA (Tải có mui)	51C-642.55	3	1.2 tấn	30/10/2008	171,000,000
14	Xe Ford Transit FCCY-HFFA	51B-182.90	16		27/12/2004	198,000,000
15	Xe Fort Everest	51F-259.96	7		28/12/2007	216,000,000
16	Xe Ford Transit FCCY-HFFA	51B-180.54	16		26/06/2007	180,000,000
17	Xe tải Isuzu	51D-081.71	3	1.05 tấn	15/12/2016	243,000,000
18	Xe Isuzu NHR55E-FL	51C-631.63	3	1.4 tấn	30/12/2005	108,000,000
19	Xe Suzuki CARRY	51C-643.30	2	0.655 tấn	20/11/2007	76,500,000
20	Xe Samco TM5 (Tải thùng kín)	51C-643.16	3	1.7 tấn	25/03/2005	135,000,000
21	Xe Samco TM5 (Tải có mui)	51C-631.67	3	1.4 tấn	25/03/2005	135,000,000
22	Xe HINO FG8JJSB - SAMCO (Ôtô xitéc)	51C-315.57	3	8 tấn	16/08/2013	1,170,000,000
23	Xe Toyota Camry 2.4G ACV40L-JEAEKU	51F-258.10	5		28/06/2007	423,000,000

Stt	Danh mục xe	Biển số xe	Số chỗ	Trọng tải	Thời gian đưa vào sử dụng	Giá trị BH năm 2022
24	Xe Toyota Vios	51A-310.60	5		28/03/2012	252,000,000
25	Xe Toyota Fortuner 2.7V	51G-363.09	7		16/08/2013	540,000,000
26	Xe Toyota HIACE Commuter 2.7	51B-212.50	16		23/08/2016	630,000,000
27	Xe Toyota Fortuner	51G-434.05	7		04/07/2017	810,000,000
28	Xe Toyota Land Cruiser (TCT chuyên)	51G-394.73	7		25/04/2002	630,000,000
29	Xe Toyota Corolla	51G-768.78	5		12/01/2019	378,000,000
30	Xe Toyota Corolla	51A-330.74	5		23/05/2012	567,000,000
31	Xe Toyota HIACE	51B-183.96	16		22/07/2015	1,170,000,000
32	Xe Toyota Land Cruiser Prado	51G-358.65	7		01/10/2014	243,000,000
33	Xe Toyota Corolla	51F-276.56	5		16/07/2007	450,000,000
34	Xe Ford Transit FCCY-HFFA	51B-181.83	16		23/09/2005	198,000,000
35	Xe Toyota Vios	51F-269.65	5		16/07/2007	216,000,000
36	Xe Toyota Vios	51F-256.21	5		16/07/2007	216,000,000
37	Xe Toyota Vios	51F-257.07	5		25/07/2007	216,000,000
38	Xe Toyota Inova	51F-277.28	8		05/03/2010	342,000,000
39	Xe Toyota Vios	51F-277.05	5		14/08/2010	306,000,000
40	Xe Toyota Vios	51F-276.06	5		14/08/2010	306,000,000

Stt	Danh mục xe	Biển số xe	Số chỗ	Trọng tải	Thời gian đưa vào sử dụng	Giá trị BH năm 2022
41	Xe Isuzu NHR55E-FL ô tô tải thùng lớn	51C-642.84	3	1.4 tấn	30/12/2005	144,000,000
42	Xe Isuzu NHR55E-FL ô tô tải thùng lớn	51C-629.82	3	1.4 tấn	05/01/2004	135,000,000
43	Xe Ford Ranger 2AW Tải pickup cabin kép	51C-643.12	5	0.7 tấn	25/12/2003	180,000,000
44	Xe Samco TM (tải thùng kín)	51C-631.79	3	1.7 tấn	25/03/2005	144,000,000
45	Xe Samco TM (tải thùng kín)	51C-631.09	3	1.7 tấn	25/03/2005	144,000,000
46	Xe Hino tải, thùng kín, nâng hàng	51D-675.00	2	1,55 tấn	08/01/2021	721,979,054
47	Xe Hino tải, thùng kín, nâng hàng	51D-675.32	2	1,65 tấn	08/01/2021	740,360,872
48	Xe Nissan Navara Tải pickup cabin kép	51C-026.81	5	0.65 tấn	17/03/2011	315,000,000
49	Xe Nissan Navara Tải pickup cabin kép	51C-026.82	5	0.65 tấn	17/03/2011	315,000,000
50	Xe Suzuki Carry	51C-032.94	2	1.95 tấn	02/04/2011	153,000,000
51	Xe Toyota Vios	51A-310.61	5		28/03/2012	288,000,000
52	Xe Nissan Navara Tải pickup cabin kép	51C-151.90	5	0.675 tấn	22/03/2012	360,000,000

Stt	Danh mục xe	Biển số xe	Số chỗ	Trọng tải	Thời gian đưa vào sử dụng	Giá trị BH năm 2022
53	Xe Nissan Navara	51C-287.64	5	0.675 tấn	14/05/2013	378,000,000
54	Xe Toyota Vios NCP42L EEMGKU	51F-260.11	5		03/10/2006	189,000,000
55	Xe tải có cần cầu HINO	51D-445.23	3	6.3 tấn	05/12/2018	1,260,000,000
56	Xe Toyota Fortuner 7 chỗ	51G-759.07	7		27/12/2018	810,000,000
57	Xe Toyota Vios E 5 chỗ	51G-757.51	5		27/12/2018	387,000,000
58	Xe Toyota Vios E 5 chỗ	51G-756.30	5		27/12/2018	387,000,000
59	Xe Toyota Hilux Tải pickup cabin kép	51D-454.53	5	0.445 tấn	27/12/2018	558,000,000
60	Xe Toyota Hiace 15 chỗ	51B-277.49	15		27/12/2018	666,000,000
61	Xe Toyota Hiace 15 chỗ	51B-283.36	15		27/12/2019	720,000,000